

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 01 /2018/KDTM-ST  
Ngày 08/01/2018  
V/v Tranh chấp Hợp đồng  
mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Duy Phương;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Tiến Dũng;

2. Bà Nguyễn Thị Bình.

***-Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thanh Bình – Chức vụ: Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:*** Bà Đinh Thị Hiếu–Chức vụ: Kiểm sát viên;

Trong ngày 08 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 55/2017/TLST-KDTM ngày 05 tháng 10 năm 2017, về việc “Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2017/QĐXXST-KDTM ngày 04/12/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2017/QĐH-KDTM ngày 20/12/2017, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Tổng công ty V;

Địa chỉ trụ sở: Đường P, phường B, Quận Z, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông T, chức vụ: Tổng Giám đốc Tổng công ty V;

Trú tại: Đường L, Phường N, quận G, thành phố Hồ Chí Minh;

Đại diện theo ủy quyền: Bà H, chức vụ: Nhân viên pháp chế Tổng công ty V (Văn bản ủy quyền ký ngày 17 tháng 8 năm 2017): Có mặt tại phiên tòa;

Trú tại: Đường C, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

*2. Bị đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên X;

Địa chỉ trụ sở: Đường C, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo pháp luật: Ông A, chức vụ: Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên X;

Trú tại: Đường C, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, đại diện tham gia tố tụng theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:**

Tổng Công ty V và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên X đã ký kết các hợp đồng mua bán hàng hóa sau:

-Hợp đồng kinh tế mua bán số 54/2014/MB-TCT ngày 15/01/2014 về việc mua bán vật tư xây dựng;

-Hợp đồng kinh tế mua bán số 158/2014/MB-TCT ngày 12/02/2014 về việc mua bán thép cáp cường độ cao.

Từ tháng 02/2014 cho đến tháng 05/2015, Tổng Công ty V đã xuất bán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên X lượng hàng hóa với tổng trị giá là 4.285.945.793 đồng (Bốn tỷ, hai trăm tám mươi lăm triệu, chín trăm bốn mươi lăm nghìn, bảy trăm chín mươi ba đồng).

Thời hạn thanh toán được thỏa thuận cụ thể trong từng bảng báo giá. Lãi suất nợ quá hạn bằng lãi suất nợ quá hạn của Ngân hàng Thương mại cổ phần P vào thời điểm hai bên ký kết hợp đồng, cụ thể mức lãi suất là:  $9,5\%/năm \times 150\% = 14,25\%/năm = 1,1875\%/tháng$ .

Tính đến nay, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên X đã thanh toán cho Tổng Công ty V tổng số tiền là 4.285.890.726 đồng (Bốn tỷ, hai trăm tám mươi lăm triệu, tám trăm chín mươi nghìn, bảy trăm hai mươi sáu đồng), còn nợ số tiền nợ gốc là 55.067 đồng (Năm mươi lăm nghìn, sáu mươi bảy đồng) và lãi suất (như bảng tính lãi kèm theo Đơn khởi kiện).

Tổng Công ty V khởi kiện yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên X thanh toán cho Tổng Công ty V số tiền nợ gốc còn lại là 55.067 đồng và lãi suất nợ quá hạn theo mức lãi suất  $9,5\%/năm \times 150\% = 14,25\%/năm = 1,1875\%/tháng$  (tính đến ngày 31/8/2017) là 278.539.175 đồng.

**\* Bị đơn - Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án để làm việc, vắng mặt hai lần tại phiên tòa không rõ lý do.**

Ngày 13/9/2017 Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên X có văn bản xác nhận với nguyên đơn đã nhận được hồ sơ khởi kiện của nguyên đơn, xác nhận sẽ trả số tiền nợ gốc là 55.067 đồng, tiền nợ lãi do nguyên đơn tự tính nên đang tìm phương hướng giải quyết.

Ngày 20/10/2017, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột nhận được văn bản số 486a/CV-ĐN ngày 17/10/2017 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên X, nội dung chính như sau:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên X xác nhận đã thực hiện chuyển trả hết nợ gốc cho nguyên đơn, còn về lãi suất do nguyên đơn tự tính nên không đồng

ý về số tiền lãi, yêu cầu các vấn đề phát sinh phải được hai bên thỏa thuận thống nhất bằng văn bản.

**\* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu ý kiến:**

Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, thẩm phán chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên X vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không tham gia phiên tòa là vi phạm Điều 70, Điều 72, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Căn cứ quy định của pháp luật dân sự và thương mại đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của Tổng công ty V.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về quan hệ pháp luật, đối tượng tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:**

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán trong việc thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa, phát sinh trong hoạt động kinh doanh giữa hai pháp nhân có đăng ký kinh doanh, và đều có mục đích lợi nhuận. Bị đơn có trụ sở tại thành phố Buôn Ma Thuột. Theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

**[2] Về thời hiệu khởi kiện:**

Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015, do giao dịch dân sự phát sinh từ trước ngày 01/01/2017 cho nên quan hệ pháp luật về nội dung của vụ án được điều chỉnh bởi các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005. Tuy nhiên theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015 thời hiệu khởi kiện được áp dụng theo quy định Bộ luật Dân sự năm 2015. Theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015 thời hiệu khởi kiện của vụ án này là 03 năm kể từ ngày Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên X vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Tuy nhiên, ngày 29/8/2017 Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên X thanh toán cho Tổng công ty V một phần của số tiền nợ gốc là 213.800.000 đồng, đã thừa nhận nghĩa vụ trả nợ, cho nên thời hiệu khởi kiện của vụ kiện này được bắt đầu lại từ ngày 30/8/2017 theo quy định tại Điều 157 Bộ luật Dân sự năm 2015.

**[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:**

- Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc còn lại là 55.067 đồng:

Việc ký kết các hợp đồng mua bán hàng hóa số 54/2014/MB-TCT ngày 15/01/2014 và số 158/2014/MB-TCT ngày 12/02/2014 giữa Tổng công ty V và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên X là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Tổng công ty V đã xuất bán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên X số lượng hàng hóa đầy đủ, đúng quy định. Số lượng hàng hóa có giá trị

thành tiền là 4.285.945.793 đồng, thể hiện qua các hóa đơn số 0012409, 0015749, 0015790, 0016041, 0000252, 0001555, 0002913, 0001780. Thời hạn thanh toán được ghi cụ thể tại các bảng báo giá, có sự đồng ý và xác nhận của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên X.

Bên cạnh đó, hai bên cũng đã nhiều lần lập biên bản đối chiếu, xác nhận công nợ (ngày 31/12/2016, 31/5/2017) (bút lục số 13, 14). Ngày 13/9/2017 Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên X có Công văn phúc đáp gửi Tổng công ty V, xác nhận Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên X còn nợ Tổng công ty V số tiền 55.067 đồng và lãi suất, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên X chậm thanh toán cho Tổng công ty V là do chủ đầu tư chưa thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên X (bút lục số 99).

Như vậy, việc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên X không thanh toán nợ gốc đầy đủ và đúng thời hạn cho Tổng công ty V là vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vi phạm hợp đồng mà hai bên đã ký kết. Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc còn lại cho nguyên đơn là 55.067 đồng.

- Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi do chậm thanh toán:

Theo văn bản Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên X gửi cho Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên X không đồng ý Tổng công ty V tự tính lãi suất. Tòa án đã nhiều lần triệu tập hai bên đương sự đến làm việc để đối chiếu về lãi suất. Tuy nhiên Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên X không đến làm việc không rõ lý do.

Tại Điều 3.5 của Hợp đồng số 54/2014/MB-TCT ngày 15/01/2014 và số 158/2014/MB-TCT ngày 12/02/2014, về lãi chậm thanh toán hai bên đều thống nhất áp dụng lãi suất phạt nợ quá hạn của Ngân hàng Thương mại cổ phần P vào thời điểm hai bên ký kết hợp đồng. Thời điểm này, theo xác nhận ngày 13/10/2017 của Ngân hàng Thương mại cổ phần P lãi suất trong hạn là 9,5%/ năm, do vậy lãi suất phạt quá hạn sẽ là:  $9,5\% \times 150\% = 14,25\%/năm = 1,1875\%/tháng$ . Việc thỏa thuận lãi suất nợ quá hạn giữa hai bên tại Điều 3.5 này không vi phạm Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005, cho nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về mức lãi suất nói trên.

Lãi suất được tính cụ thể như sau:

+ **Hóa đơn số 0012409** ngày 18/02/2014, giá trị 396.802.619 đồng.

Ngày giao hàng là 15/02/2014. Ngày đến hạn thanh toán là 25/02/2014 (thời hạn thanh toán là trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận hàng). Ngày thanh toán là 04/4/2014 (chậm 01 tháng 08 ngày). Số tiền lãi do chậm thanh toán là:  $396.802.619 \times 1,1875\%/ tháng \times 1 tháng 08 ngày = 5.968.573$  đồng.

+ **Hóa đơn số 0015749** ngày 13/8/2014, giá trị 1.467.581.610 đồng.

Ngày giao hàng là 13/8/2014. Ngày đến hạn thanh toán là 27/9/2014 (thời hạn thanh toán là trong vòng 45 ngày kể từ ngày nhận hàng).

Ngày thanh toán lần 1 là 12/2/2015, thanh toán 245.308.220 đồng (chậm 138 ngày). Số tiền lãi do chậm thanh toán là:  $245.308.220 \times 138 \times (1,1875\%/tháng) / 30 = 13.399.962$  đồng.

Ngày thanh toán lần 2 là 25/4/2015, thanh toán 196.528.784 đồng (chậm 210 ngày). Số tiền lãi do chậm thanh toán là:  $196.528.784 \times 210 \times (1.1875\%/tháng) / 30 = 16.336.455$  đồng.

Ngày thanh toán lần 3 là ngày 25/6/2015, thanh toán 300.000.000 đồng (chậm 271 ngày). Số tiền lãi do chậm thanh toán là:  $300.000.000 \times 271 \times (1.1875\%/tháng) / 30 = 32.181.250$  đồng.

Ngày thanh toán lần 4 là ngày 05/5/2015, thanh toán 370.000.000 đồng (chậm 220 ngày). Số tiền lãi do chậm thanh toán là:  $370.000.000 \times 220 \times (1.1875\%/tháng) / 30 = 32.220.833$  đồng.

Ngày thanh toán lần 5 là ngày 14/12/2015, thanh toán 100.000.000 đồng (quá hạn 443 ngày). Số tiền lãi do chậm thanh toán là:  $100.000.000 \times 443 \times (1.1875\%/tháng) / 30 = 17.535.417$  đồng.

Ngày thanh toán lần 6 là ngày 20/01/2016, thanh toán 100.000.000 đồng (chậm 480 ngày). Số tiền lãi do chậm thanh toán là:  $100.000.000 \times 480 \times (1.1875\%/tháng) / 30 = 19.000.000$  đồng.

Ngày thanh toán lần 7 là ngày 05/02/2016, thanh toán 100.000.000 đồng (chậm 496 ngày). Số tiền lãi do chậm thanh toán là:  $100.000.000 \times 496 \times (1.1875\%/tháng) / 30 = 19.633.333$  đồng.

Ngày thanh toán lần 8 là ngày 24/5/2016, thanh toán 55.744.606 đồng (chậm 605 ngày). Số tiền lãi do chậm thanh toán là:  $55.744.606 \times 605 \times (1.1875\%/tháng) / 30 = 13.349.672$  đồng.

Tổng giá trị tiền lãi phát sinh theo hóa đơn số 0015749 là 163.656.922 đồng.

+ **Hóa đơn số 0015790** ngày 16/8/2014, giá trị 54.691.780 đồng.

Ngày giao hàng 16/8/2014. Ngày đến hạn thanh toán 30/9/2014 (thời hạn thanh toán là 45 ngày kể từ ngày nhận được hàng). Ngày thanh toán 12/02/2015, chậm 135 ngày. Số tiền lãi do chậm thanh toán là:  $54.691.780 \times 135 \times (1.1875\%/tháng) / 30 = 2.922.592$  đồng.

+ Các **Hóa đơn số 0016041, 0000252, 0001555, 0002913** thanh toán đúng hạn nên không phát sinh tiền lãi.

+ **Hóa đơn số 0001780** ngày 19/5/2015, giá trị 408.110.461 đồng. Ngày giao hàng 12/5/2015, thanh toán ngay khi nhận được hàng.

Ngày thanh toán lần 1 là ngày 24/5/2016, thanh toán 94.255.394 đồng (chậm 378 ngày). Số tiền lãi do chậm thanh toán:  $94.255.394 \times 378 \times (1.1875\%/tháng) / 30 = 14.102.963$  đồng.

Ngày thanh toán lần 2 là ngày 18/10/2016, thanh toán 100.000.000 đồng (chậm 525 ngày). Số tiền lãi do chậm thanh toán:  $100.000.000 \times 525 \times (1.1875\%/tháng) / 30 = 20.781.250$  đồng.

Ngày thanh toán lần 3 là ngày 29/8/2017, thanh toán 213.800.000 đồng (chậm 840 ngày). Số tiền lãi do chậm thanh toán:  $213.800.000 \times 840 \times (1.1875\%/tháng) / 30 = 71.088.500$  đồng.

+ Giá trị còn phải thanh toán (tính đến ngày 31/8/2017) là 55.067 đồng. Số ngày quá hạn 843 ngày. Số tiền lãi do chậm thanh toán:  $55.067 \text{ đồng} \times 843 \times (1.1875\%/tháng) / 30 = 18.375 \text{ đồng}$ .

Tổng cộng số tiền lãi mà bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là: **278.539.175 đồng**.

Như vậy tổng số tiền mà bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn (tính đến hết ngày 31/8/2017) cả gốc và lãi là: **278.594.000 đồng** (làm tròn).

- Về án phí:

Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là  $278.594.000 \times 5\% = 13.930.000 \text{ đồng}$  (làm tròn).

Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 229, Điều 235, Điều 266, Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 688, Điều 429, Điều 157 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 24, Điều 34, Điều 35, Điều 37, Điều 42, Điều 50, Điều 55, Điều 306 Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ vào khoản 1 khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### **Tuyên xử:**

1. Về yêu cầu của nguyên đơn:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn - Tổng công ty V.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên X phải trả cho Tổng công ty V số tiền nợ gốc là 55.067 đồng và nợ lãi là 278.539.175 đồng. Tổng cộng là: **278.594.000 đồng** (làm tròn).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên X phải chịu 13.930.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Tổng công ty V được nhận lại 5.698.000 đồng (Năm triệu sáu trăm chín mươi tám nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0000336 ngày 31/8/2017.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. BMT;
- CC. THADS TP.BMT;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Trần Duy Phương**